

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Hoà Bình
giai đoạn 2016-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 209/TTr-SNN ngày 11/5/2017; của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 806/STP- XD&KTVBQPPL ngày 09/5/2017,

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Hoà Bình giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Nhiệm vụ của các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố.

1. Các Sở, ngành; đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước và các Văn bản hướng dẫn của Trung ương, ban hành hướng dẫn thực hiện đối với các tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Hoà Bình giai đoạn 2016-2020.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong tỉnh căn cứ Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Hoà Bình giai đoạn 2016 - 2020 và các hướng dẫn của các Sở, ngành; đơn vị liên quan để chỉ đạo, hướng dẫn các xã trên địa bàn thực hiện.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan thường trực Chương trình nông thôn mới) tổng hợp hướng dẫn của các Sở, ngành; đơn vị liên quan để ban hành cẩm nang, tài liệu hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Hoà Bình giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Chỉ đạo TW các CT MTQG;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- VPĐT NTM Trung ương;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UB Mặt trận tổ quốc VN tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng điều phối NTM tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Chánh, Phó VP/UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN (N270).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Quang

BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI TỈNH HOÀ BÌNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 816 /QĐ-UBND ngày 19 /5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung của tỉnh	Chỉ tiêu cho các nhóm xã (theo QĐ số 50/2016/QĐ-TTg)			Ghi chú
				Xã khu vực I	Xã khu vực II	Xã khu vực III	
1	2	3	4	5	6	7	8
I. QUY HOẠCH							
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã (1) được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI							
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT.	100%	100%	100%	100%	
		2.2. Tỷ lệ km đường trục thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT.	≥50% nhựa hoá, bê tông hoá	≥50% nhựa hoá, bê tông hoá	≥50% nhựa hoá, bê tông hoá	≥30% nhựa hoá, BT hoá	
		2.3. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.	100%	100%	100%	100% (≥50% cứng hoá)	
			(≥50% nhựa hoá, BT hoá, cứng hoá (2))	(≥50% nhựa hoá, BT hoá)	(≥30% nhựa hoá, BT hoá; ≥20% cứng hoá)		
2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.	≥50% cứng hoá	≥50% cứng hoá	≥50% cứng hoá	≥50% cứng hoá			

3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	$\geq 80\%$	$\geq 80\%$	$\geq 70\%$	$\geq 60\%$	
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	$\geq 95\%$	$\geq 95\%$	$\geq 95\%$	$\geq 95\%$	
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	$\geq 70\%$	$\geq 70\%$	$\geq 70\%$	$\geq 70\%$	

6	Cơ sở vật chất văn hóa (4)	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã, <i>cụ thể:</i>	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		6.1.1. Diện tích đất quy hoạch đối với hội trường nhà văn hoá đa năng tối thiểu	$\geq 300\text{m}^2$	$\geq 300\text{m}^2$	$\geq 300\text{m}^2$	$\geq 200\text{m}^2$	
		6.1.2. Diện tích khu thể thao (chưa tính sân vận động) tối thiểu	$\geq 1.200\text{m}^2$	$\geq 1.200\text{m}^2$	$\geq 1.200\text{m}^2$	$\geq 500\text{m}^2$	
		6.1.3. Quy mô xây dựng hội trường đa năng	≥ 150 chỗ ngồi	≥ 150 chỗ ngồi	≥ 150 chỗ ngồi	≥ 100 chỗ ngồi	
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định (3)	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	100%	100%	100%	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	7. Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa, <i>cụ thể yêu cầu tiêu chí đạt một trong 2 nội dung:</i>	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		7.1. Có chợ nông thôn trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đạt chuẩn theo quy định.					
		7.2. Có siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn theo quy định.					

Thông tin và Truyền thông

<p>8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính, <i>cụ thể</i>: Có ít nhất 01 (một) điểm phục vụ bưu chính để đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của các tổ chức, cá nhân tại địa phương.</p>	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
<p>8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet, <i>cụ thể</i>: Tất cả các thôn trên địa bàn xã có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại và dịch vụ truy cập internet hoặc có ít nhất 01 điểm phục vụ dịch vụ viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại và dịch vụ truy cập internet.</p>	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
<p>8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn, <i>cụ thể</i>: Có Đài truyền thanh xã và ít nhất 2/3 số thôn trong xã có hệ thống loa hoạt động kết nối với Đài truyền thanh xã.</p>	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
<p>8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, <i>cụ thể</i>:</p>					
<p>- Có trang thông tin điện tử riêng của xã hoặc trang thông tin điện tử thành phần trên Trang/Cổng thôn tin điện tử của tỉnh Hoà Bình hoặc Trang/Cổng thôn tin điện tử huyện, thành phố.</p>					
<p>- Máy tính của các cơ quan: Đảng uỷ xã, Hội đồng nhân dân xã và Ủy ban nhân dân xã có sử dụng dịch vụ truy cập internet và thực hiện nhận/gửi văn bản chỉ đạo, điều hành qua mạng internet.</p>	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
<p>- Hệ số máy tính/số cán bộ, công chức của xã đạt tối thiểu là 0,5.</p>					
<p>- Có ít nhất 2/3 số cán bộ, công chức xã theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ sử dụng máy tính trong công tác quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ.</p>					
<p>- Xã có ít nhất 02 (hai) hoạt động chuyên môn nghiệp vụ có ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý.</p>					

9	Nhà ở Dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Không	Không	
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥75%	≥75%	≥75%	≥75%	
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT							
10	Thu nhập	10. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	≥36	≥36	≥36	≥36	
		10.1. Năm 2016 (triệu đồng)	≥22	≥22	≥22	≥22	
		10.1. Năm 2017 (triệu đồng/người)	≥26	≥26	≥26	≥26	
		10.2. Năm 2018 (triệu đồng/người)	≥29	≥29	≥29	≥29	
		10.3. Năm 2019 (triệu đồng/người)	≥32	≥32	≥32	≥32	
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤12%	≤12%	≤12%	≤12%	
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	

IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	$\geq 70\%$	$\geq 70\%$	$\geq 70\%$	$\geq 70\%$
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	$\geq 25\%$	$\geq 25\%$	$\geq 25\%$	$\geq 25\%$
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	$\geq 85\%$	$\geq 85\%$	$\geq 85\%$	$\geq 85\%$
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 6,7\%$	$\leq 6,7\%$	$\leq 6,7\%$	$\leq 6,7\%$
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	$\geq 70\%$	$\geq 70\%$	$\geq 70\%$	$\geq 70\%$

18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	100%	100%	100%	
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	

Ghi chú:

- Quy hoạch chung xây dựng xã phải đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn.
- Cứng hoá: Cứng hóa là đường được trải nhựa, trải bê tông, lát bằng gạch, đá xẻ hoặc trải cấp phối có lu lên bằng đá dăm, đá thải, gạch vỡ, gạch xi.
- Điểm vui chơi, giải trí và thể thao của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em.
- Về cơ sở vật chất văn hóa: Các địa phương sử dụng Hội trường, Trung tâm học tập cộng đồng, Nhà sinh hoạt cộng đồng, Đình làng, nhà văn hóa đã xây dựng từ trước, nhà văn hóa liên thôn tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao phục vụ nhân dân vẫn được tính đạt tiêu chí về xây dựng cơ sở vật chất văn hóa (tiêu chí số 6). Về lâu dài các địa phương này cần có lộ trình cụ thể để quy hoạch, đầu tư xây dựng các công trình nhà văn hóa - khu thể thao xã, thôn, bản đảm bảo các tiêu chí theo quy định.
- Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch" do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH